

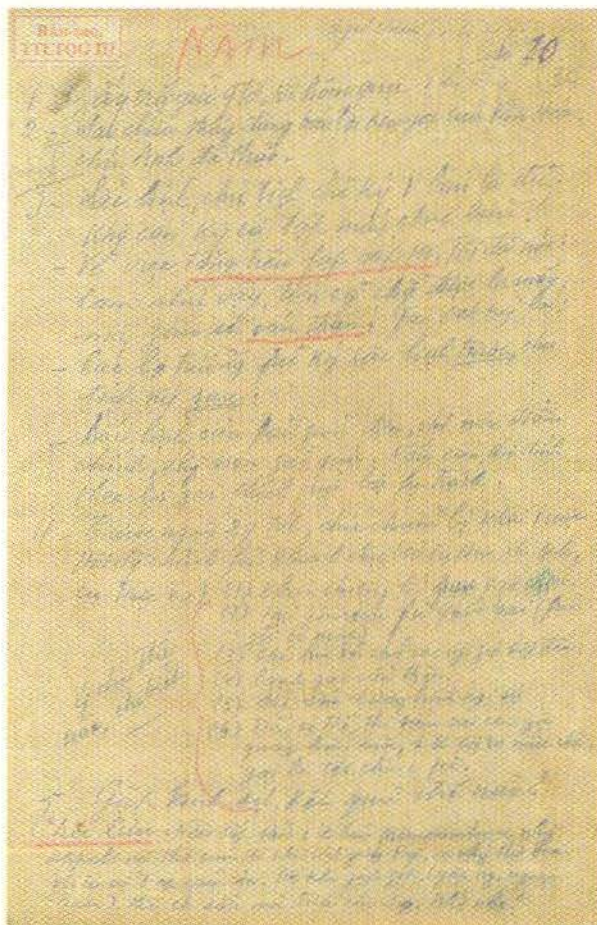
# CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ TRONG THỜI GIAN 1945 – 1954

LÊ THỊ LÝ

Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

Công tác văn thư, lưu trữ có vai trò quan trọng trong hoạt động của nền hành chính nhà nước. Nó không chỉ đảm bảo thông tin liên lạc, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức mà còn góp phần quan trọng trong việc cung cấp những thông tin tin cậy phục vụ cho hoạt động cách mạng cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, mặc dù hoàn cảnh kháng chiến và điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng cùng với việc lãnh đạo xây dựng, kiện toàn, vận hành bộ máy Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm, chú trọng đến công tác văn thư, lưu trữ - một trong những công cụ của nền hành chính Nhà nước.

Về công tác văn thư, ngày 12/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 49, ấn định về tiêu đề của các văn bản trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân: “Xét vì bắt đầu từ ngày 02.9.1945, nước Việt Nam đã tuyên bố độc lập cho toàn thể quốc dân và thế giới biết; Xét vì ngày 24.8.1945 vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị và giao chính quyền lại cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa; Xét vì cần nêu cao một kỷ nguyên mới để đánh dấu vào lịch sử nước ta, những độc lập, tự do và hạnh phúc mà chính thể Dân chủ Cộng hòa mang lại cho dân chúng”<sup>1</sup>, do đó, “các công văn, công điệp, phiếu, trát, đơn từ, các báo chí, chúc từ, điều văn, khẩn vãi, cúng lễ, vãn vãn..., bắt đầu từ ngày ký Sắc lệnh này đều phải tiêu đề: VIỆT NAM DÂN CHỦ



Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi ông Hoàng Hữu Nam trong đó có việc hướng dẫn việc ký và ban hành Sắc lệnh  
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Khối tài liệu sưu tầm, hồ sơ 53

CỘNG HÒA NĂM THỨ NHẤT”<sup>2</sup>. Sắc lệnh không chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị, hành chính, mà còn là sự quan tâm của Người đối với công tác văn thư (công văn, giấy tờ), bước đầu

thể hiện quy định về thể thức văn bản của một Nhà nước mới với chế độ mới.

Bên cạnh đó, Người còn quan tâm đến nội dung soạn thảo, thể thức trình bày và thủ tục ban hành các loại công văn, giấy tờ. Đó là những vấn đề quan trọng của công tác văn thư. Đối với một số loại văn bản, như sắc lệnh, nghị định, là những loại văn bản quan trọng của Nhà nước, thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc ban hành những văn bản này tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình và kết quả thực hiện các công việc của cơ quan, tổ chức, nhân dân. Ngày 18/4/1946, thay mặt Chính phủ, trên cương vị Chủ tịch, Người đã ban hành Thông tư số 8 gửi các Bộ trưởng, yêu cầu cần sửa đổi tình trạng “- Có nhiều công sở thảo Nghị định khi cần ra Sắc lệnh, có khi có hai việc quan trọng không kém nhau mà một việc do Sắc lệnh, một việc do Nghị định giải quyết; hoặc Nghị định trái với Sắc lệnh, hoặc không căn cứ vào một luật lệ nào hết.

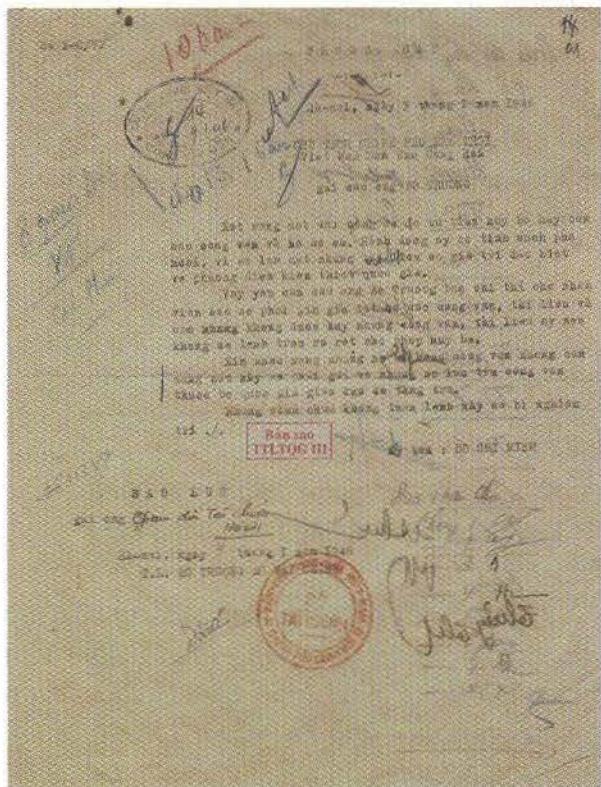
- Ngoài ra, nhiều bộ ra Nghị định riêng, không hỏi ý kiến bộ nào, tuy việc liên quan đến nhiều bộ khác. Thành thử nhiều việc không giải quyết được trọn vẹn về mọi phương diện chuyên môn”<sup>3</sup>. Thông tư ra đời đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời công tác văn thư, giấy tờ tại thời điểm đó, đồng thời là cơ sở pháp lý để xây dựng văn phong, cũng như thủ tục hành chính hợp lý, khoa học, tạo điều kiện căn bản, chắc chắn cho việc thực hiện, thực thi pháp chế.

Trong thư gửi ông Hoàng Hữu Nam ngày 15/01/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ý kiến về nội dung và thủ tục ban hành Sắc lệnh: “Sắc lệnh, Chủ tịch chỉ ký 1 bản là đủ, không cần ký cả tập mấy chục bản. Các bộ trưởng phải ký Sắc lệnh trước, chủ tịch ký sau. Sắc lệnh cần phải giản đơn, chỉ nêu điểm chính, không nên dài quá. Nếu cần thì đính theo lời giải thích của bộ phụ trách”<sup>4</sup>. Đây là những ý kiến nhắc nhở, chỉ đạo rất quý báu, giúp cho việc ký ban hành văn bản được nhanh chóng, tiết kiệm thời gian,

công sức, mang lại hiệu quả cao trong quá trình giải quyết công việc.

Đến những năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang giai đoạn mới, bộ máy chính quyền nhà nước đã được kiện toàn, số lượng những công văn, hồ sơ ngày càng nhiều, nhu cầu thông tin liên lạc phục vụ cho hoạt động của bộ máy nhà nước và phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc ngày càng tăng, đòi hỏi phải tăng cường việc bảo vệ thư từ, công văn, tài liệu. Ngày 14/7/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 128-SL quy định “những kẻ phạm tội bóc lột, ăn cắp, hay thủ tiêu công văn của Chính phủ sẽ bị truy tố trước tòa án và phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm, phạt tiền từ 1.000đ đến 10.000đ, hay một trong hai hình phạt ấy. Những tòng phạm cũng bị phạt như chính phạm”<sup>5</sup>. Sắc lệnh cũng quy định “Những kẻ phạm tội bóc lột, ăn cắp, hay thủ tiêu thư từ của tư nhân sẽ bị truy tố trước tòa án và phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm, phạt tiền từ 500đ đến 5.000đ, hay một trong hai hình phạt ấy. Những tòng phạm cũng bị phạt như chính phạm”<sup>6</sup>. Bên cạnh đó, trong hoàn cảnh kháng chiến, vấn đề đi lại, thông tin liên lạc gặp nhiều khó khăn, phức tạp, để đảm bảo được kịp thời, hiệu quả, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 42-SL ngày 15/7/1951 thành lập tại Phủ Thủ tướng một Nha Liên lạc có nhiệm vụ nghiên cứu và đặt các đường giao thông trong nước để vận chuyển công văn, tài liệu.

Về công tác lưu trữ, ngay trong thời kỳ đầu xây dựng và củng cố chính quyền nhà nước, trước hành động của một số cơ quan, công sở “đã tự tiện hủy bỏ hay bán các công văn và hồ sơ cũ”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban Thông đạt số 01/VP ngày 03/01/1946 khẳng định giá trị, ý nghĩa đặc biệt to lớn của những “công văn và hồ sơ cũ” (tài liệu lưu trữ) về phương diện kiến thiết quốc gia và cần phải được gìn giữ đồng thời phải được quản lý, bảo quản tập trung tại một cơ quan: “Xét rằng một vài công sở đã tự tiện hủy bỏ hay bán các công văn và hồ sơ cũ. Hành động ấy có tính cách phá hoại vì sẽ làm mất những tài liệu có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia.



Thông đạt số 01/VP ngày 03.01.1946  
của Chủ tịch Hồ Chí Minh  
v/v giữ gìn, bảo quản công văn, tài liệu.  
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,  
Khối tài liệu sưu tầm, hồ sơ 07

Vậy yêu cầu các Ông Bộ trưởng ban chỉ thị cho nhân viên các sở phải giữ gìn tất cả các công văn, tài liệu và cấm không được hủy những công văn tài liệu ấy, nếu không có lệnh trên rõ rệt cho phép hủy bỏ.

Xin nhắc rằng những hồ sơ hoặc công văn không cần dùng sau này sẽ phải gửi về những sở lưu trữ công văn thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục để tàng trữ. Những viên chức không tuân lệnh này sẽ bị nghiêm trị.”<sup>7</sup>

Thông đạt đã khẳng định giá trị to lớn của tài liệu lưu trữ và đề ra những yêu cầu đối với việc gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị của nó, đồng thời đã đặt cơ sở, nền móng cho hoạt động công tác lưu trữ của nước ta. Những năm sau này, do điều kiện chiến tranh, mặc dù phải sơ tán, di chuyển nhiều lần, nhưng thực hiện Thông đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những công văn, tài liệu và hồ sơ cũ đều được gìn giữ và bảo

quản một cách tốt nhất. Những tài liệu được bảo quản, gìn giữ trong thời kỳ này cho đến ngày nay vẫn là những tài liệu quý, hiếm, có giá trị ý nghĩa đặc biệt.

Cùng với việc quan tâm đến vấn đề giữ gìn và bảo quản tài liệu, việc sử dụng chúng phục vụ cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc cũng được Người quan tâm, chỉ đạo. Trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, nhằm chuẩn bị sưu tầm tài liệu phục vụ việc soạn thảo văn bản có tính chất pháp lý cao nhất - Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 28/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Thông tư số 9 gửi các ông Bộ trưởng, các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kỳ, yêu cầu giúp đỡ các vị đại biểu Quốc hội trong việc sưu tầm tài liệu. Thông tư viết: “Các vị đại biểu Quốc hội trong Ban thường trực và Tiểu Ban Hiến pháp có nhiều khi phải trực tiếp với các bộ hay các sở phụ thuộc để sưu tầm tài liệu.

Muốn cho các vị ấy làm tròn nhiệm vụ mà Quốc dân đã giao phó cho, tôi yêu cầu các ông hết sức giúp đỡ các vị Đại biểu Quốc hội có chân trong hai ban ấy”<sup>8</sup>. Thông tư chỉ rõ giá trị, ý nghĩa, tầm quan trọng của công văn, tài liệu trong việc soạn thảo Hiến pháp.

Cùng với quá trình hoạt động, vận hành của các cơ quan Nhà nước, số lượng hồ sơ tài liệu sản sinh ngày càng nhiều, trước tình hình đó, ngày 04/9/1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 102/CP thành lập Cục Lưu trữ thuộc Phủ Thủ tướng (nay là Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước) để giúp Hội đồng Chính phủ quản lý công tác lưu trữ của Nhà nước và trực tiếp quản lý Kho Lưu trữ trung ương. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, nâng cao hiệu quả quản lý công văn, hồ sơ, tài liệu trong tình hình mới, tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa nội dung của Thông đạt. Mặt khác, với những đóng góp to lớn của ngành Lưu trữ trong sự nghiệp “kiến thiết quốc gia”, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17/9/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1229/QĐ-TTg chọn ngày 03/01 hàng năm là ngày truyền thống của ngành Lưu trữ Việt Nam.

(Xem tiếp trang 20)

lưu trữ và xác định tài liệu lưu trữ là của cả chung, hết sức quý báu của Đảng, Nhà nước và nhân dân mà mọi người phải quý trọng, bảo vệ; xác định nguyên tắc tập trung thống nhất quản lý công tác lưu trữ; vấn đề thu thập, bảo quản tài liệu và vấn đề tổ chức công tác lưu trữ.

Nếu như Thông tri số 259-TT/TW ngày 08/9/1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa của tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ và do đó có tác dụng chỉ đạo rất thiết thực, tạo ra một bước phát triển mới của công tác lưu trữ nước ta”<sup>2</sup>, thì Văn bản ngày 09/10/1961 của Văn phòng Trung ương Đảng đã đề cập đến những nội dung vừa bao quát, vừa cấp thiết, làm cơ sở để Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo nhiều vấn đề của công tác lưu trữ nước nhà, nhất trí thành lập Cục Lưu trữ trực thuộc Phủ Thủ tướng vào năm 1962, đánh một dấu mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử của ngành Lưu trữ “Kể từ đây, nước ta đã có một cơ quan quản lý cao nhất về công tác lưu trữ, tạo điều kiện xây dựng ngành Lưu trữ nước ta với hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, hệ thống văn bản pháp lý và cơ sở lý luận khoa

học, nghiệp vụ ngày càng hoàn chỉnh hơn”<sup>3</sup>.

Nửa thế kỷ đã đi qua, đọc lại những nội dung trong Văn bản ngày 09/10/1961 cho thấy những đề xuất, kiến nghị của Văn phòng Trung ương Đảng lúc bấy giờ vẫn mang đậm tính thời sự, cách nhìn toàn diện vì sự phát triển sự nghiệp lưu trữ nước nhà, và thật sự có ý nghĩa trong bối cảnh triển khai thực hiện Luật Lưu trữ mới được Quốc hội khóa XIII thông qua./.

-----  
**\* Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng, Phòng số 12, Mục lục số 01, đơn vị bảo quản số 79.**

1. Thông tri số 259-TT/TW, ngày 08-9-1959 của Ban Bí thư Trung ương về một số điểm về công tác lưu trữ công văn, tài liệu.

2. Nguyễn Văn Thâm, Vương Đình Quyền, Đào Thị Điển, Nghiêm Kỳ Hồng: *Lịch sử Lưu trữ Việt Nam*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh, 2010, trang 183.

3. GS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm, TS. Nghiêm Kỳ Hồng: *Lưu trữ Việt Nam những chặng đường phát triển*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H, 2006, trang 72..

## **CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ TRONG THỜI GIAN 1945 – 1954**

*(Tiếp theo trang 17)*

Mặc dù, trong bộn bề công việc của một Nhà nước mới được thành lập, đồng thời phải lo đối phó với “thù trong giặc ngoài”, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn bao quát và quan tâm đến mọi công tác. So với những công tác khác, số lượng văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công tác văn thư, lưu trữ trong thời kỳ này còn chưa nhiều, nhưng những văn bản chỉ đạo này đã có vai trò quan trọng, định hướng cho sự hình thành và phát triển của ngành, đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước, của bộ máy chính quyền cách mạng. Hiện nay, nước ta không chỉ lưu trữ và bảo quản an toàn

được khối lượng tài liệu đồ sộ sản sinh trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức, mà còn phát huy được giá trị của nó, phục vụ tích cực cho công cuộc kháng chiến trước đây, cũng như công cuộc kiến quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay./.

-----  
1,2. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 01, tờ 67.

3. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Tài chính, hồ sơ 17, tờ 128.

4. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Khối tài liệu sưu tầm, hồ sơ 30.

5,6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 10, tờ 40.

7. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Khối t6 tài liệu sưu tầm, hồ sơ 07, tờ 01

8. Nguyễn Minh Sơn, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 1-1999, trang 01, tháng 3/1999